TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 01 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hoa

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0135/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 589/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn là bà A, sinh năm: 1977; địa chỉ: đường V, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt);

2. Bị đơn là ông B, sinh năm 1970; địa chỉ: đường V, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Bà A và ông B kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh (nay là phường Gia Định),Thành phố Hồ Chí Minh. Qúa trình chung sống có một con chung tên: Nguyễn Hoàng Yến P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2002 đã trưởng thành.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không phù hợp về cách sống, bất đồng về cách nuôi dạy con, ông B không có trách nhiệm đối với gia đình. Bà A đã từng nộp đơn ly hôn vào năm 2016 và năm 2017 nhưng sau đó rút lại đơn kiện với mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy vậy, đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải

thiện, đôi bên không còn quan tâm đến nhau và đều có cuộc sống riêng, nên bà A yêu cầu Toà án xem xét cho bà ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con: Trong thời kỳ hôn nhân, đôi bên có một con chung tên: Nguyễn Hoàng Yến P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2002 đã trưởng thành

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để nộp hoặc đưa ra ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, ban hành Thông báo thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xử lý đơn kiện, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196, khoản 2 Điều 191, Điều 205, khoản 2 Điều 220, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thủ tục phiên tòa sơ thẩm.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A. Về con chung: có một con tên Nguyễn Hoàng Yến P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2002 đã trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Bị đơn là ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 52 ngày 05 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh (nay là phường Gia Định), TP. Hồ Chí Minh.

Xét bà A đã nộp đơn ly hôn vào năm 2017, tuy nhiên bà A đã rút đơn ly hôn và Toà án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 1419/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017. Điều này thể hiện vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017, đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Qúa trình giải quyết vụ án, ông B không có mặt để đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án, cho thấy ông B không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà A. Tại phiên tòa, bà A cương quyết ly hôn, như vậy hôn nhân giữa đôi bên đã không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[3.2] Về con: Có một con tên Nguyễn Hoàng Yến P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2002 đã trưởng thành.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn*: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Bà A được ly hôn với ông B.

2. *Về con chung*: Có một con tên Nguyễn Hoàng Yến P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2002 đã trưởng thành.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001944 ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 -Thành phố Hồ Chí Minh; bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;

5. *Quyền kháng cáo*: Bà A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND khu vực 5-TPHCM;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 5-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Linh Phượng

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Linh Phượng